

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2024

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Hòa;

2. Bà Mai Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 214/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp về ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1981. Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1980. Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2023 và bản tự khai, nguyên đơn - chị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 03/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân 4 năm nay. Hiện tại, chị thấy tình cảm vợ chồng không

còn nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2023, bị đơn - anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị P tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 03/01/2014. Sau khi kết hôn, chị P chỉ ở nhà anh được một thời gian, sau đó chị P ra Đà Nẵng làm việc. Khi về quê, chị P về nhà cha mẹ ruột tại thôn P, xã Q ở chứ không ở nhà anh. Khi gia đình có việc anh gọi điện thoại thì chị P về, xong việc thì đi. Anh thấy vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị P có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Bùi Văn T; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Nay, chị P xin ly hôn với anh T nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, nguyên đơn - chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy

ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 03/01/2014 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Theo chị P, sau khi kết hôn chị và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân 4 năm nay. Anh T cho rằng vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, nhưng sau khi kết hôn chị P về nhà anh ở được một thời gian thì vợ chồng không còn chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không tham gia các phiên hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa không lý do, còn chị P cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị P, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P đối với anh Bùi Văn T về việc "*Tranh chấp về ly hôn*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn T.

2. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Nguyễn Thị P phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị P đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010273 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã Q;
- (Giấy CNKH số 02 ngày 03/01/2014)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phượng